|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……/20.../TT-BKHCN | *Hà Nội, ngày …… tháng …… năm 2023* |

**DỰ THẢO 2**

**THÔNG TƯ  
Quy định một số tiêu chí dự án đầu tư vào khu công nghệ cao**

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số ……/……/NĐ-CP ngày …… tháng …… năm 2023. của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định một số tiêu chí xác định dự án đầu tư vào khu công nghệ cao.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số tiêu chí đối với dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 29 và điểm đ khoản 1 Điều 32 Nghị định số ......./2023/NĐ-CP ngày ...... tháng ...... năm 2023 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc thực hiện dự án đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao vào khu công nghệ cao.

**Điều 3. Tiêu chí dự án đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ cao**

Dự án đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc và tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 28 và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 29 Nghị định số ......./2023/NĐ-CP ngày ...... tháng ...... năm 2023 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, đồng thời đáp ứng các tiêu chí sau:

Khoản 1 (02 phương án):

*Phương án 1:*

1. Số lượng người lao động có trình độ từ đại học trở lên chiếm ít nhất 75% tổng số người lao động của dự án đầu tư.

*Phương án 2:*

1. Số lượng người lao động trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 85% tổng số người lao động của dự án, trong đó số người lao động có bằng đại học trở lên chiếm ít nhất 85%.

Người lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với nội dung nghiên cứu và phát triển. Người lao động đứng đầu các nhóm nghiên cứu có các công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí chuyên ngành về khoa học và công nghệ uy tín hoặc có sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp bằng hoặc chấp nhận đơn hoặc có công nghệ, sản phẩm công nghệ đã được chuyển giao, đưa vào sản xuất.

2. Tổng chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm phải chiếm ít nhất 80% chi phí hoạt động hằng năm của dự án đầu tư.

3. Thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển được đầu tư đồng bộ, hiện đại, các thiết bị chính được được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm. Các phòng thí nghiệm thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển tại dự án đầu tư đạt các tiêu chuẩn phòng thí nghiệm Việt Nam và thế giới.

**Điều 4. Tiêu chí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao**

Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao phải phải đáp ứng các nguyên tắc và tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 28 và các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 32 Nghị định số ......./2023/NĐ-CP ngày ...... tháng ...... năm 2023 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, đồng thời đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hằng năm của dự án đầu tư.

2. Số lượng người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề chiếm ít nhất 75% tổng số người lao động của dự án đầu tư.

3. Số lượng người lao động tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên thì số lượng người lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên tổng số người lao động của dự án đầu tư phải đạt ít nhất 1% đồng thời không thấp hơn 30 người;

b) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng thì số lượng người lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên tổng số người lao động của dự án đầu tư phải đạt ít nhất 2,5% đồng thời không thấp hơn 15 người.

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 100 tỷ đồng thì số người lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trên tổng số người lao động của dự án đầu tư phải đạt ít nhất 5% đồng thời không thấp hơn 10 người.

Số người lao động có trình độ cao đẳng theo quy định tại khoản này không vượt quá 30% tổng số người lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm của dự án đầu tư.

4. Chi phí hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm của dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên thì phải đạt ít nhất 0,5% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư.

b) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng thì phải đạt ít nhất 1% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư.

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 100 tỷ đồng thì phải đạt ít nhất 2% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư.

Giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư theo quy định tại khoản này được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (là giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa).

5. Dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

**Điều 5. Nội dung chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao**

1. Nội dung chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này bao gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu (khấu hao hằng năm) bao gồm: chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua sản phẩm mẫu, chi mua phần mềm, tài liệu, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiên cứu;

b) Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thường xuyên hằng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoán chi phí đi lại, công tác phí) cho người lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu và phát triển; chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu và phát triển);

c) Chi phí đào tạo bao gồm: chi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn ở trong nước, ở nước ngoài cho nhân lực trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi hỗ trợ đào tạo (hoặc cấp học bổng, trang thiết bị, máy móc) cho các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam; các chi phí đào tạo khác phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư;

d) Phí bản quyền, li-xăng theo hợp đồng chuyển giao công nghệ cao phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định không bắt buộc phải đăng ký).

2. Những nội dung chi sau đây không được tính là chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này: chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

**Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …… tháng …… năm 2023.

2. Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao, Trưởng Ban quản lý các khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **BỘ TRƯỞNG** |
| - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; - Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;  - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);  - Công báo;  - Lưu: VT, PC. |